



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

49 GP/KDBH

ngày 23 tháng 4 năm 2008

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC38/KDBH ngày 02 tháng 03 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Hà Thanh
Ông Nguyễn Thành Quang
Ông Nguyễn Ngọc Nghị
Ông Trần Sỹ Tiến
Ông Trần Trọng Dũng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ông Nguyễn Tiến Thanh

(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020)
Thành viên
(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Dũng
Ông Nguyễn Thành Quang
Ông Lê Mạnh Cường
Ông Bùi Hữu Ánh
Ông Phạm Đức Tự
Ông Lê Hữu Phước
Bà Tào Thị Thanh Hoa
Ông Nguyễn Đăng Lâm

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ
Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía nam

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Ông Ngô Hồng Minh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Mai

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, Tòa nhà Geleximco
Số 36, Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00273-21-1



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 – DNPNT
 (Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
 ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150 + 190)	100		2.523.236.333.264	1.619.716.434.001
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	331.894.290.934	186.805.045.359
1	Tiền	111		331.894.290.934	186.805.045.359
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5(a)	533.582.336.272	458.764.868.805
1	Đầu tư ngắn hạn	121		558.399.670.343	469.821.295.647
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(24.817.334.071)	(11.056.426.842)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.063.675.029.137	696.212.376.121
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		786.434.096.978	381.097.773.016
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	244.677.680.657	130.926.717.083
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2	7	541.756.416.321	250.171.055.933
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.118.252.412	2.704.529.265
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	8(a)	310.038.378.191	381.503.536.191
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(44.915.698.444)	(69.093.462.351)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		51.646.355.712	27.296.386.482
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.572.595.510	25.563.290.727
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	11	48.938.087.579	24.252.197.390
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2.634.507.931	1.311.093.337
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.760.202	889.458.110
5	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	16(a)	-	843.637.645
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		542.438.321.209	250.637.757.234
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	19(a)	247.650.881.231	98.891.260.017
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	19(a)	294.787.439.978	151.746.497.217

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN			
	(200 = 210 + 220 + 250 + 260)		398.013.194.580	456.447.969.946
I	Các khoản phải thu dài hạn			
4	218	8(b)	12.725.497.074	11.751.005.196
			12.725.497.074	11.751.005.196
4.1	218.1	12	7.000.000.000	7.000.000.000
4.2	218.2		5.725.497.074	4.751.005.196
II	Tài sản cố định			
1	220		7.359.231.868	7.467.560.756
			5.253.410.857	6.252.938.127
	221	13	21.134.675.858	22.107.926.594
	222		(15.881.265.001)	(15.854.988.467)
3	227	14	2.105.821.011	1.214.622.629
	228		4.009.054.959	2.787.259.000
	229		(1.903.233.948)	(1.572.636.371)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
2	250	5(b)	345.607.649.589	432.483.444.063
			55.550.000.000	231.825.681.850
3	252		290.535.000.000	201.135.112.624
4	258			
	259		(477.350.411)	(477.350.411)
V	Tài sản dài hạn khác			
1	260		32.320.816.049	4.745.959.931
	261		32.320.816.049	4.745.959.931
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			
	(270 = 100 + 200)		2.921.249.527.844	2.076.164.403.947
	270			

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		1.886.158.609.498	1.251.493.131.959
I	Nợ ngắn hạn		1.883.399.966.948	1.249.655.003.665
2	Phải trả người bán ngắn hạn		250.504.300.113	166.213.350.009
2.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	15	246.884.595.695	159.628.331.135
2.2	Phải trả khác cho người bán		3.619.704.418	6.585.018.874
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.339.142.996	8.305.362.176
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
5	Phải trả người lao động	16(b)	16.360.997.724	9.747.897.170
6	Chi phí phải trả		64.874.077.503	51.601.762.735
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		15.800.000	-
9	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	17	14.744.791.505	2.759.503.871
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	67.539.079.521	21.093.491.171
13	Dự phòng nghiệp vụ		46.762.725	20.702.443
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		1.460.975.014.861	989.912.934.090
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	19(a)	909.044.480.325	621.164.443.723
13.3	Dự phòng dao động lớn	19(a)	482.890.702.436	312.227.934.234
		19(a)	69.039.832.100	56.520.556.133
II	Nợ dài hạn		2.758.642.550	1.838.128.294
3	Phải trả dài hạn khác		6.000.000	6.000.000
8	Doanh thu chưa thực hiện		2.752.642.550	1.832.128.294
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		1.035.090.918.346	824.671.271.988
	Vốn chủ sở hữu		1.035.090.918.346	824.671.271.988
1	Vốn cổ phần	20	1.000.000.000.000	800.000.000.000
9	Quỹ dự trữ bắt buộc		12.208.547.038	11.684.211.706
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.882.371.308	12.987.060.282
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		2.921.249.527.844	2.076.164.403.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	31/12/2020	1/1/2020	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
3	Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
4	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	54.156.164.839	40.539.663.701
5	Ngoại tệ các loại (Nguyên tệ)			
	- Đô la Mỹ (USD)	USD	731,26	625.966,00
	- Euro (EUR)	EUR	53,2	66,00

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	2020 VND	2019 VND
1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.200.488.271.712	890.805.511.352
3 Doanh thu hoạt động tài chính	12	225.772.008.545	206.200.476.022
4 Thu nhập khác	13	1.897.267.119	1.809.882.167
5 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.187.356.636.947	887.651.633.459
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	(5.203.669.589)	44.819.565.771
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	232.967.689.234	157.826.475.571
9 Chi phí khác	24	870.256.250	107.150.584
10 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	12.166.634.534	8.411.044.156
11 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.679.927.895	3.612.280
13 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	10.486.706.639	8.407.431.876
14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	128	101

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	21	1.458.311.022.016	1.063.360.072.787
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.708.386.270.408	1.180.213.875.466
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		37.804.788.210	29.999.365.184
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	19	287.880.036.602	146.853.167.863
2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	22	345.501.602.864	229.698.198.141
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		494.261.224.078	190.904.993.956
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	19	148.759.621.214	(38.793.204.185)
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		1.112.809.419.152	833.661.874.646
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		87.678.852.560	57.143.636.706
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	23	87.077.478.909	57.000.640.751
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		601.373.651	142.995.955
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.200.488.271.712	890.805.511.352
6 Chi bồi thường (11 = 11.1)	11		620.393.927.055	460.614.505.274
- Tổng chi bồi thường	11.1		620.393.927.055	460.614.505.274
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		207.261.566.619	132.642.472.965
8 Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	19	170.662.768.202	(36.209.457.301)
9 Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	19	143.040.942.761	(58.237.958.592)
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	24	440.754.185.877	350.000.533.600

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
11 Tăng dự phòng dao động lớn	16	19	12.519.275.967	10.193.082.264
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	734.083.175.103	527.458.017.595
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		60.532.535.094	40.103.191.724
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		673.550.640.009	487.354.825.871
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.187.356.636.947	887.651.633.459
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		13.131.634.765	3.153.877.893
18 Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	225.772.008.545	206.200.476.022
19 Chi phí hoạt động tài chính	24	27	(5.203.669.589)	44.819.565.771
20 Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		230.975.678.134	161.380.910.251
21 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	232.967.689.234	157.826.475.571
22 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		11.139.623.665	6.708.312.573
23 Thu nhập khác	31		1.897.267.119	1.809.882.167
24 Chi phí khác	32		870.256.250	107.150.584
25 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.027.010.869	1.702.731.583
26 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.166.634.534	8.411.044.156
27 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.679.927.895	3.612.280
29 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.486.706.639	8.407.431.876
30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	128	101

Ngày 30 tháng 3 năm 2021




Nguyễn Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng




 Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	2020 VND	2019 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.881.800.733.743	1.839.357.873.338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.675.970.370.525)	(1.254.956.791.387)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(225.335.481.678)	(155.942.181.053)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(766.049.130)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	101.207.972.633	235.870.115.067
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(140.159.305.793)	(413.882.865.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.456.451.620)	249.680.101.794
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.866.616.747)	(2.404.248.550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	907.000.000	1.005.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(302.500.000.000)	(461.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	314.500.000.000	446.009.455.898
5. Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(264.624.500.000)	(192.239.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	120.000.000.000	3.763.887.376
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141.215.374.706	34.662.412.649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.631.257.959	(170.702.492.627)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này